

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT CHĂN NUÔI DÊ SINH SẢN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày ... tháng 3 năm 2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

1. Chuồng nuôi

1.1. Yêu cầu

- Cách xa đường giao thông, khu dân cư, khu công nghiệp, công sở, trường học, khu chế biến sản phẩm chăn nuôi, khu chợ buôn bán gia súc, bệnh viện, khu chăn nuôi khác và xa hệ thống kênh mương thoát nước thải của khu vực theo quy định hiện hành.

- Chuồng nuôi có diện tích phù hợp với số lượng dê nuôi, không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và sức khỏe vật nuôi.

- Diện tích sàn đảm bảo tối thiểu từ 2 – 2,5 m²/con.

- Hồ khử trùng phải bố trí ở các cổng ra vào của các khu chuồng và ở đầu mỗi dãy chuồng.

- Nên bố trí khu vực sân chơi và phối giống gắn liền với chuồng nuôi.

- Các thiết bị dùng trong chăn nuôi, máng ăn, máng uống phải đảm bảo vệ sinh.

1.2. Kỹ thuật làm chuồng trại

Dê là loài động vật sạch sẽ, không ưa độ ẩm cao. Do vậy khi làm chuồng trại nuôi dê phải đảm bảo sạch sẽ, thông thoáng, tránh nắng nóng, ẩm ướt. Sàn chuồng phải cách mặt đất từ 50 - 70cm. Sàn chuồng có thể làm bằng tre hay các thanh gỗ thẳng, được đóng thành giát có khe hở 1 – 1,5 cm đủ để phân lọt xuống dưới nhưng không lọt chân dê. Chuồng dê phải đảm bảo tránh mưa hắt, gió lùa, và ánh nắng gay gắt trực tiếp vào dê.

- Vật liệu làm chuồng có thể làm bằng gỗ, thép hay tận dụng tre nứa. Giá đỡ chuồng nên xây bằng gạch cho chắc chắn. Trong chuồng dê phải có máng ăn, máng uống đầy đủ.

2. Chọn giống (dê bố mẹ)

- Giống được đưa vào mô hình là dê cỏ, dê Bách thảo, dê Boer, dê Jumnapari, dê Beetal, dê Barbari, dê Alpine, dê Saanen và các giống dê địa phương, dê lai phù hợp với điều kiện sản xuất của vùng...

- Giống phải khỏe mạnh, có nguồn gốc rõ ràng. Không mua giống từ nơi có dịch bệnh.

+ Chọn dê cái: Thân hình thanh; da mỏng, lông mịn; đầu rộng, hơi dài; cổ dài kết cấu chặt chẽ với phần thân; lưng thẳng, sườn tròn và xiên về phía sau; hông rộng; núm vú to đều, dài 4 – 6 cm, tĩnh mạch vú nổi rõ; tứ chi vững chắc.

+ Chọn dê đực: Đầu to, ngắn, trán rộng, thân hình cân đối, cổ to, ngực nở; tứ chi vững chắc, hai tinh hoàn đều, cân đối.

3. Thức ăn và dinh dưỡng cho dê

3.1. Yêu cầu đối với thức ăn

- Đối với thức ăn tinh: Phải chọn nguyên liệu/thức ăn có chất lượng tốt, đảm bảo chất lượng. Không mua nguyên liệu/thức ăn đã bị nhiễm nấm mốc, có trộn các chất cấm (chất tạo nạc, kích thích tăng trọng...). Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, đậm đặc phải có nguồn gốc, địa chỉ sản xuất, có đăng ký đảm bảo chất lượng ghi trên nhãn mác.

- Đối với thức ăn thô: Phải chọn thức ăn tốt, dễ tiêu hóa, không bị dính bả, bị thối, mốc. Khi thức ăn chứa nhiều nước, bị ướt phải để ráo nước trong thân cây và khô ngoài bề mặt thân, lá.

- Bảo quản và sử dụng: Phải có nơi để thức ăn thô, thức ăn tinh đảm bảo thông thoáng, an toàn khi bảo quản, có giá kê thức ăn cách mặt đất ít nhất 20 cm.

3.2. Các loại thức ăn

- Thức ăn thô xanh:

+ Các loại cây, cỏ mọc tự nhiên: Các loại cây bụi, cỏ mọc tự nhiên ở bãi chăn, trên đồi, trên đê; các loại lá cây như: lá mít, keo tai tượng, chuối, xoan,...

+ Các loại cỏ trồng: Cỏ Voi, Cỏ Ghine, cỏ Ruzi, cỏ Stylo, cây Keo đậu...

- Thức ăn thô khô: Cỏ khô, rom khô,...

- Các phế phụ phẩm nông nghiệp: Dây lang, lạc, cây đậu tương sau thu hoạch, thân và ngọn lá mía, thân cây chuối...

- Thức ăn củ quả: Củ cải, sắn, khoai lang, chuối, bí đỏ...

- Thức ăn tinh: Ngô, cám gạo, sắn khô, khoai khô, đậu tương, bột cá, thức ăn hỗn hợp, ...

- Thức ăn bổ sung: khoáng, vitamin, đá liếm, ...

3.3. Nhu cầu dinh dưỡng

- Nhu cầu năng lượng: Nhu cầu tổng số năng lượng (*MJ/ngày*) của dê cho duy trì và tăng trọng như sau:

Nhu cầu tổng số năng lượng (MJ/ngày) của dê

Thể trọng (kg)	Nhu cầu Q cho duy trì và tăng trọng (50g/ngày)	Nhu cầu Q cho duy trì và tăng trọng (100g/ngày)	Nhu cầu Q cho duy trì và tăng trọng (150g/ngày)	Nhu cầu Q cho duy trì và có mang thai
10	4,0	5,8	7,5	5,1
15	-	-	-	6,9
20	5,5	7,3	9,0	8,5
25	-	-	-	10,0
30	6,8	8,6	10,3	11,5
35	-	-	-	13,0
40	8,0	9,8	11,6	14,3
45	-	-	-	15,6
50	9,0	10,8	12,6	16,0
55	-	-	-	18,2
60	10,3	12,0	13,8	19,4

- Nhu cầu về protein: nhu cầu protein tiêu hoá của dê theo thể trọng được thể hiện ở bảng sau:

Nhu cầu protein tiêu hoá của dê (g/con/ngày)

Thể trọng (kg)	Duy trì và tăng trọng (50g/ngày)	Duy trì và tăng trọng (100g/ngày)	Duy trì và tăng trọng (150g/ngày)	Duy trì và có mang thai
10	25	35	45	30
20	36	46	56	50
30	45	55	65	67
40	53	63	73	83
50	61	71	81	99
60	69	79	89	113

Nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày của dê rất đa dạng tùy theo giai đoạn (con non, hậu bị, mang thai, cho sữa, đực giống), phải đảm bảo đủ vật chất khô (VCK) (khoảng 3-4% trọng lượng cơ thể), protein, năng lượng, khoáng và vitamin.

4. Chăm sóc, nuôi dưỡng

4.1. Dê từ sơ sinh đến cai sữa

- *Giai đoạn bú sữa đầu:*

Sau khi đẻ 20 - 30 phút cho dê con bú sữa đầu không được để chậm hơn. Có thể cho bú trực tiếp hoặc bú bằng bình, mỗi ngày 3 - 4 lần. Giai đoạn bú sữa đầu thường là 7 ngày từ khi sinh.

Bô trí lót ổ bằng rơm rạ mềm, khô cho dê con nằm. Nếu trời lạnh cần sưởi ấm cho dê con. Nếu dê con yếu, cần vắt sữa ra bình cho dê bú. Hỗ trợ dê con bú sữa đầu bằng cách bằng cách giữ chặt dê mẹ, vắt bỏ những tia sữa đầu rồi vắt sữa vào miệng dê con.

- Giai đoạn bú sữa thường:

Giai đoạn này có thể kéo dài 3 tháng, hoặc hơn, tùy theo hướng sản xuất. Nếu nuôi dê để khai thác sữa, nên cai sữa lúc 3 tháng tuổi. Ở những dê mẹ năng suất sữa thấp và nuôi lấy thịt, có thể cho dê con bú đến tháng thứ 4 hoặc thứ 5.

Có thể cho dê con bú trực tiếp, bú bình hoặc vắt sữa ra chậu cho dê con ăn, mỗi ngày 2 - 3 lần. Sữa vắt ra cho ăn ngay. Dụng cụ chứa sữa (bình, chậu) phải sạch sẽ. Từ tuần tuổi thứ 3, tập cho dê con ăn các loại thức ăn dễ tiêu, chất lượng tốt: cỏ non phơi tái, cỏ khô sạch, bột cám, bột ngô, bột đậu tương rang...

4.2. Dê hậu bị:

Nuôi dê hậu bị theo khẩu phần quy định để tăng khả năng sinh trưởng phát triển hợp lý, cho ăn đầy đủ thức ăn thô xanh (2 - 5 kg/ngày); thức ăn tinh 0,2 - 0,5 kg/con/ngày. Cung cấp đủ nước sạch cho dê, tạo điều kiện cho dê có chỗ để vận động 3- 4 giờ/ngày. Hàng ngày vệ sinh khô sạch nền chuồng, sàn chuồng và sân chơi, máng ăn, máng uống. Đặc biệt đối với dê đực con để làm giống, cần chăm sóc theo chế độ riêng, sau 3 tháng phải nuôi tách riêng và chỉ cho giao phối khi dê đạt 11 - 12 tháng tuổi.

4.3. Dê sinh sản:

4.3.1 Kỹ thuật phối giống

Chỉ đưa dê cái vào phối giống lần đầu khi đạt tuổi và trọng lượng nhất định, thay đổi tùy theo giống. Ví dụ: dê Bách Thảo thường phải 8-9 tháng tuổi, khối lượng đạt 22-25kg. Không phối giống sớm vì ảnh hưởng đến chất lượng đàn con và khả năng sinh sản của dê sau này.

Đối với dê cái tơ: bỏ qua hai lần động dục đầu tiên sau đó mới phối giống. Đối với dê cái đang sinh sản, thông thường sau khi đẻ 1,5-2 tháng thì sức khỏe phục hồi và mới cho phối giống trở lại.

Phát hiện động dục mỗi ngày hai lần (sáng và chiều) bằng quan sát hoặc dùng dê đực. Thời gian phối giống thích hợp là sau 12-36 giờ kể từ khi bắt đầu động dục.

Để quản lý tốt chất lượng đàn và chủ động kế hoạch sản xuất chăn nuôi, cần có sổ theo dõi phối giống, ghi chép ngày phối, số liệu đẻ được giống, kết quả phối giống và dự định ngày đẻ đẻ ...

4.3.2. Dê cái mang thai

Sau 18 - 25 ngày kể từ khi dê cái phối giống, cần theo dõi để phát hiện động dục. Cần ghi chép ngày phối giống để dự báo ngày đẻ đẻ. Thời gian mang thai của dê khoảng 145 - 157 ngày. Trong thời gian này, cần cung cấp đầy đủ thức ăn, nước uống cho dê, đặc biệt là 2 tháng mang thai cuối, để bảo đảm cho bào thai phát triển tốt và dê có nhiều sữa sau khi sinh. Trong 3 tháng mang thai đầu tiên cho dê ăn 3 - 5 kg thức ăn thô/con/ngày; 0,3 - 0,4 kg thức ăn tinh/con/ngày. Hai tháng mang thai cuối mỗi ngày cho dê ăn 4 - 5 kg thức ăn thô/con và 0,4 - 0,6 kg thức ăn tinh/con/ngày. Nếu nuôi theo phương thức bán chăn thả thì tùy theo tình hình và năng suất bãi chăn mà cân đối lượng thức ăn bổ sung.

Chú ý: Không nhốt chung dê cái mang thai với dê đực giống. Không chăn thả dê mang thai quá xa, không dồn đuổi, đánh đập dê, đặc biệt là vào thời gian mang thai cuối.

4.3.3. Dê đẻ

Trước khi dê đẻ 7 - 10 ngày, nhốt riêng từng con vào chuồng ấm, yên tĩnh và đã được vệ sinh, tiêu độc, khử trùng. Giảm bớt thức ăn tinh ở những dê cái có năng suất sữa cao để tránh viêm vú, sốt sữa.

Khi dê cái có biểu hiện khó chịu, đái dắt, bụng sa, bầu vú căng và âm hộ sưng đỏ, có dịch đặc chảy thành dòng là dê sắp đẻ. Dê bắt đầu đẻ khi bọc nước ối vỡ, thai được đẩy ra theo nhịp của dê mẹ và thông thường dê cái đẻ trong vòng 1 - 4 giờ, tùy theo số lượng thai và vị trí của thai.

Trong khoảng 4 giờ sau khi đẻ hết con, nhau thai ra, cần thu dọn nhau thai, không để cho dê mẹ ăn. Nếu quá 4 giờ mà nhau thai chưa ra thì cần can thiệp của thú y.

Dọn vệ sinh ổ đẻ. Lau sạch bầu vú, âm hộ dê mẹ. Nếu dê mẹ bị cương sung nằm vú thì chườm nước nóng và vắt bớt sữa. Ngay sau khi đẻ, cho dê mẹ uống nước muối ấm 0,5% hoặc nước đường 5 - 10%. Sau khi đẻ, dùng khăn sạch, khô, mềm lau toàn bộ cơ thể dê con. Sau đó, tay trái cầm cuống rốn, kẹp rốn giữa ngón cái và ngón trỏ của tay phải đồng thời vuốt nhẹ theo hướng ra ngoài, dùng dây chỉ chắc thắt chặt cuống rốn cách bụng khoảng 4 - 5 cm, sau đó dùng kéo cắt cuống rốn phía ra ngoài cách nút chỉ 1,0 - 1,5 cm và sát trùng vết cắt bằng cồn Iốt 5% hoặc ôxy già.

4.4. Dê đực giống

Dê đực giống phải nhốt tách riêng dê cái. Có thể nhốt vào ô cuối chuồng để tạo tính hăng cho chúng. Chuồng trại bảo đảm khô ráo và sạch sẽ.

Khẩu phần thức ăn hàng ngày cho một dê đực giống có khối lượng khoảng 50 kg như sau: Cỏ: 4 kg; Lá cây giàu đạm: 1,5 kg; Thức ăn tinh: 0,4 kg. Với chế độ phối giống mỗi ngày hai lần, có thể cho ăn thêm 0,3 kg rá đỗ hoặc 1 - 2 quả trứng. Chú ý bổ sung đủ khoáng đa lượng và vi lượng cho dê đực giống thông qua tăng đá liếm.

5. Công tác thú y

5.1. Vệ sinh phòng bệnh cho dê

- Luôn giữ vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, khô ráo, định kỳ 1 tháng tiêu độc sát trùng chuồng trại một lần bằng các hóa chất như vôi bột, Iodine, Virkol,...
- Hằng ngày phải kiểm tra bệnh từng con, thường xuyên kiểm tra ve, ghẻ và giun sán. Cắt móng chân thường xuyên sẽ giảm được bệnh gây thối móng.
- Định kỳ kiểm tra và tẩy giun sán cho dê (ít nhất năm 2 lần). Chủ động tiêm vắc-xin để phòng một số bệnh truyền nhiễm như Tụ huyết trùng, viêm ruột hoại tử, lở mồm long móng và bệnh đậu dê.

Lịch tiêm phòng Vắc xin cho dê

TT	Tên Vắc xin	Lần tiêm	Cách tiêm, liều lượng	Đối tượng không tiêm
1	Lở mồm long móng (FMD)	2 lần/năm	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất	- Dê dưới 2 tháng tuổi. - Dê mang thai kỳ đầu và kỳ cuối.
2	Viêm ruột hoại tử	2 lần/năm		- Dê dưới 2 tháng tuổi.
3	Tụ huyết trùng	2 lần/năm		- Dê dưới 2 tháng tuổi.
4	Vắc xin đậu dê (bảo quản lạnh)	2 lần/năm		- Dê dưới 1 tháng tuổi. - Dê mang thai

5.2. Vệ sinh cho dê bệnh

Khi dê bệnh cần điều trị kịp thời. Cách ly ngay dê bệnh khỏi đàn dê khỏe, lồng chuồng dê bệnh nên sát trùng hằng ngày, khi tiếp xúc với dê bệnh xong cần phải rửa và sát trùng tay trước khi tiếp xúc với dê khỏe. Nhốt dê mắc bệnh truyền nhiễm thêm ít nhất 2 tuần sau khi khỏi bệnh. Bồi dưỡng sức khỏe, cho dê ăn uống đầy đủ bổ sung thêm khoáng, vitamin./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19/11/2018.
- Luật số 146/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.
- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về Hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi.
- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
- Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi.
- Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi (Quy định về mật độ chăn nuôi và quy mô chăn nuôi nông hộ).
- Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của luật chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.
- Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi.
- Quyết định số 726/QĐ-BNN-KH ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành tạm thời các định mức kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông Trung ương (*Lĩnh vực chăn nuôi*).
- Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi dê thịt tại Việt Nam (VietGAHP chăn nuôi dê thịt).
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9715:2013 về Dê giống – yêu cầu kỹ thuật.
- Quy trình kỹ thuật chăn nuôi dê sinh sản của Trung tâm nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây thuộc viện chăn nuôi năm 2022.
- Quy trình kỹ thuật chăn nuôi dê lai F1 Boer.
- Phùng Quốc Quảng (2005). Giáo trình hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi dê. Hà Nội: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia./.